

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 319 /QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thưởng cho các tập thể, cá nhân
có thành tích trong hoạt động KHCN năm 2015

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Điều lệ trường đại học;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 487/QĐ-MĐC ngày 08/5/2014 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất Quy định về quản lý hoạt động KHCN của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ Quyết định số 43/QĐ-MĐC ngày 10/01/2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc sửa đổi, bổ sung một số điều quy định về hoạt động Khoa học - Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 279/QĐ-MĐC ngày 23/3/2015 về việc giao nghĩa vụ đóng góp kinh phí cho Trường của các trung tâm, công ty và quy định mức khen thưởng cho các đơn vị có đóng góp kinh phí cho Trường năm 2015;

Căn cứ quyết toán của các đề tài, hợp đồng KHCN năm 2015;

Xét đề nghị của các ông (bà) Trưởng phòng KHCN, Tài vụ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Trích 236.300.000đ (hai trăm ba mươi sáu triệu ba trăm ngàn đồng chẵn) từ quỹ khen thưởng KHCN hàng năm của Nhà trường thưởng cho các tập thể và cá nhân đã có nhiều thành tích trong hoạt động KHCN (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Các ông (bà) Trưởng phòng KHCN, Tài vụ, các tập thể và cá nhân có tên trong danh sách trên chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Lưu: HCTH, KHCN (Dung).



HIỆU TRƯỞNG



NGUYỄN VĂN AN

DANH SÁCH THƯƠNG CÁC TẬP THỂ, CÁ NHÂN NĂM 2015

(kèm theo QĐ số 349 /QĐ-MĐC, ngày 30 /3/2016)

I. Tập thể

TT	Đơn vị	Số tiền (đ)	Ký nhận	Ghi chú
1	Khoa Địa chất	10 000 000		
2	Khoa Dầu khí	6 000 000		
3	Khoa Công nghệ thông tin	2 300 000		
4	Khoa Giáo dục Quốc phòng	1 400 000		
5	Khoa Mỏ	900 000		
6	Khoa Trắc địa, Bản đồ và QLĐĐ	900 000		
7	Khoa Môi trường	700 000		
8	Khoa Xây dựng	200 000		
9	Khoa Khoa học cơ bản	200 000		
10	Phòng Khoa học - Công nghệ	4 000 000		
11	Phòng Tài vụ	2 000 000		
12	Phòng Tổ chức cán bộ	2 000 000		
13	Phòng Hành chính tổng hợp	2 000 000		
14	Bộ môn Địa chất	5 000 000		
15	Bộ môn Địa chất công trình	1 700 000		
16	Bộ môn Địa chất thủy văn	1 500 000		
17	Bộ môn Khoáng thạch	1 100 000		
18	Bộ môn Khoáng sản	700 000		
19	Bộ môn Địa vật lý	3 200 000		
20	Bộ môn Lọc - Hóa dầu	1 300 000		
21	Bộ môn Thiết bị dầu khí và công trình	900 000		
22	Bộ môn Địa chất dầu	400 000		
23	Bộ môn Khoan - Khai thác	100 000		
24	Bộ môn Tin học Địa chất	1 300 000		
25	Bộ môn Tin học Trắc địa	600 000		
26	Bộ môn Công nghệ phần mềm	400 000		
27	Bộ môn Môi trường cơ sở	700 000		
28	Bộ môn Trắc địa phổ thông và sai số	400 000		
29	Bộ môn Địa chính	400 000		
30	Bộ môn Trắc địa cao cấp	200 000		
31	Bộ môn Khai thác lộ thiên	1 300 000		
32	Bộ môn Tuyển khoáng	100 000		
33	Bộ môn Hóa học	200 000		
34	Ban Chủ nhiệm Chương trình CTB-2012-02	2 400 000		
35	Công ty CODECO	28 000 000		
36	TT Nghiên cứu Địa kỹ thuật	42 000 000		
37	TT Nghiên cứu Môi trường Địa chất	26 900 000		
38	TT Hỗ trợ phát triển Khoa học kỹ thuật	16 300 000		
39	TT KHCN mỏ và Môi trường	5 500 000		
40	TT UDCNM Trắc địa - Bản đồ	5 700 000		

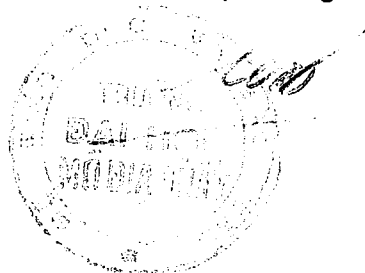
41	TT Triển khai công nghệ khoáng chất	3 000 000		
42	TT Nghiên cứu Trắc địa công trình	2 700 000		
43	TT Nghiên cứu Cơ điện mở	400 000		
44	T.thể CB luyện môn Vật lý thi Olympic Q. gia	1 000 000		
45	T.thể CB luyện môn Toán thi Olympic Q. gia	1 000 000		
46	T.thể CB luyện môn Cơ lý thuyết thi Olympic Q.gia	200 000		
47	T.thể CB luyện môn Sức bền vật liệu thi Olympic Q.gia	200 000		
	Cộng I	189 400 000		
Bảng chữ: Một trăm tám mươi chín triệu bốn trăm ngàn đồng chẵn				

Hiệu trưởng

Phòng Tài vụ

Phòng KHCN

Người lập biểu



[Signature]
Đoàn Thị Huệ

[Signature]
Nguyễn Quang Luật

[Signature]
Nguyễn Thị Ngọc Dung

PGS.TS Lê Hải An



DANH SÁCH THƯỜNG CÁC TẬP THỂ, CÁ NHÂN NĂM 2015

(kèm theo QĐ số 349/QĐ-MĐC, ngày 30/3/2016)

II. Cá nhân

TT	Họ và tên	Đơn vị	Số tiền (đ)	Ký nhận	Ghi chú
1	Trần Thanh Hải	BM. Địa chất	10 000 000		
2	Lê Hải An	BM. Địa vật lý	4 500 000		
3	Trương Xuân Luận	BM. Tin Địa chất	2 700 000		
4	Nguyễn Anh Dũng	BM. Lọc - Hóa dầu	2 600 000		
5	Nguyễn Văn Lâm	BM. Địa chất thủy văn	2 100 000		
6	Triệu Hùng Trường	BM. TB Dầu khí và CT	1 800 000		
7	Đinh Văn Thắng	Phòng KHCN	1 400 000		
8	Nguyễn Văn Quảng	Khoa GDQP	1 400 000		
9	Nguyễn Phương	BM. Môi trường cơ sở	1 200 000		
10	Nguyễn Phú Vụ	BM. Khai thác lộ thiên	1 200 000		
11	Nguyễn Trường Xuân	BM. Tin học Trắc địa	1 200 000		
12	Lê Khánh Phồn	BM. Địa vật lý	1 000 000		
13	Đoàn Văn Cảnh	BM. Địa chất thủy văn	900 000		
14	Nguyễn Khắc Giảng	BM. Khoáng thạch	900 000		
15	Tô Xuân Vu	BM. Địa chất công trình	900 000		
16	Nguyễn Văn Phóng	BM. Địa chất công trình	900 000		
17	Đỗ Minh Toàn	BM. Địa chất công trình	900 000		
18	Phạm Thị Vân Anh	BM. Khoáng thạch	900 000		
19	Lê Thị Thu	BM. Khoáng sản	900 000		
20	Phan Thiên Hương	BM. Địa vật lý	900 000		
21	Vũ Đình Hiếu	BM. Khai thác lộ thiên	900 000		
22	Trần Thùy Dương	BM. Địa chính	900 000		
23	Lê Văn Hưng	BM. CN phần mềm	900 000		
24	Nguyễn Quang Minh	BM. TĐPT và Sai số	800 000		
25	Nguyễn Huy Phương	BM. Địa chất công trình	700 000		
26	Trần Bình Chư	BM. Khoáng sản	600 000		
27	Nguyễn Thị Minh Hồng	BM. Địa chất dầu	600 000		
28	Lê Tiên Dũng	BM. Khoáng thạch	500 000		
29	Bùi Xuân Nam	BM. Khai thác lộ thiên	500 000		
30	Vũ Kim Thư	BM. Hóa học	300 000		
31	Phạm Văn Tuấn	BM. Địa chất dầu	300 000		
32	Nguyễn Thế Vinh	BM. Khoan - Khai thác	200 000		
33	Trần Mỹ Dũng	BM. Địa chất	200 000		
34	Nguyễn Quốc Phi	BM. Môi trường cơ sở	200 000		
35	Phạm Văn Luận	BM. Tuyển khoáng	200 000		
36	Nguyễn Văn Sáng	BM. Trắc địa cao cấp	200 000		
37	Vũ Thị Minh Hồng	BM. Hóa học	200 000		
38	Dương Thành Trung	BM. TĐPT và Sai số	100 000		
39	Nguyễn Trọng Dũng	BM. Hạ Tầng Cơ sở	100 000		
40	Nguyễn Tuấn Anh	BM. Tin học Trắc địa	100 000		
41	Hoàng Văn Long	BM. Địa chất Biển	100 000		
	Cộng II		46 900 000		

Bảng chữ: Bốn mươi sáu triệu chín trăm ngàn đồng chẵn

Hiệu trưởng

Phòng Tài vụ

Phòng KHCN

Người lập biểu

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **343** /QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày **24** tháng 3 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thưởng cho các tập thể, cá nhân
có thành tích trong hoạt động KHCN năm 2016

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Điều lệ trường đại học;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 487/QĐ-MĐC ngày 08/5/2014 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất Quy định về quản lý hoạt động KHCN của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ Quyết định số 43/QĐ-MĐC ngày 10/01/2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc sửa đổi, bổ sung một số điều quy định về hoạt động Khoa học - Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 295/QĐ-MĐC ngày 25/3/2016 về việc giao nghĩa vụ đóng góp kinh phí cho Trường của các trung tâm, công ty và quy định mức khen thưởng cho các đơn vị có đóng góp kinh phí cho Trường năm 2016;

Căn cứ quyết toán của các đề tài, hợp đồng KHCN năm 2016;

Xét đề nghị của các ông (bà) Trưởng phòng KHQT, Tài vụ,

QUYẾT ĐỊNH:

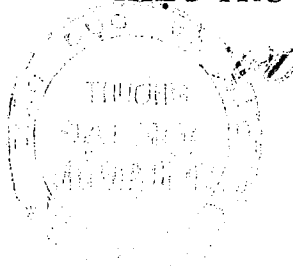
Điều 1. Trích 200.600.000đ (hai trăm triệu sáu trăm ngàn đồng chẵn) từ quỹ khen thưởng KHCN hàng năm của Nhà trường thưởng cho các tập thể và cá nhân đã có nhiều thành tích trong hoạt động khoa học và công nghệ năm 2016 (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Các ông (bà) Trưởng phòng KHQT, Trưởng phòng Tài vụ, các tập thể và cá nhân có tên trong danh sách trên chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Lưu: HCTH, KHQT(01).

HIỆU TRƯỞNG



DANH SÁCH THƯỜNG CÁC TẬP THỂ, CÁ NHÂN NĂM 2016(kèm theo QĐ số **343**/QĐ-MĐC, ngày **24**/3/2017)**I. Tập thể**

TT	Đơn vị	Số tiền (đ)	Ký nhận	Ghi chú
1	Khoa Khoa học và Kỹ thuật Địa chất	4 500 000		
2	Khoa Dầu khí	4 000 000		
3	Khoa Môi trường	2 000 000		
4	Khoa Công nghệ thông tin	1 500 000		
5	Khoa Xây dựng	1 000 000		
6	Khoa Trắc địa, Bản đồ và QLĐĐ	1 000 000		
7	Khoa Giáo dục Quốc phòng	500 000		
8	Khoa Mỏ	500 000		
9	Khoa Khoa học cơ bản	500 000		
10	Phòng Khoa học, công nghệ và HTQT	3 000 000		
11	Phòng Tài vụ	2 000 000		
12	Phòng Tổ chức cán bộ	2 000 000		
13	Phòng Hành chính tổng hợp	2 000 000		
14	Bộ môn Địa vật lý	2 000 000		
15	Bộ môn Địa chất thủy văn	2 000 000		
16	Bộ môn Kỹ thuật môi trường mỏ	2 000 000		
17	Bộ môn Lọc - Hóa dầu	1 500 000		
18	Bộ môn Khoáng thạch và Địa hóa	1 500 000		
19	Bộ môn Công nghệ phần mềm	1 000 000		
20	Bộ môn Tin học Địa chất	600 000		
21	Bộ môn Xây dựng công trình ngầm	600 000		
22	Bộ môn Trắc địa phổ thông và sai số	600 000		
23	Bộ môn Tuyển khoáng	600 000		
24	Bộ môn Trắc địa cao cấp	500 000		
25	Bộ môn Khoan - Khai thác	500 000		
26	Bộ môn Hạ tầng cơ sở	500 000		
27	Bộ môn Hóa	500 000		
28	Bộ môn Địa chất biển	400 000		
29	Bộ môn Môi trường cơ sở	200 000		
30	Bộ môn Địa chất	200 000		
31	Công ty CODECO	20 500 000		
32	TT Nghiên cứu Địa kỹ thuật	44 400 000		
33	TT Hỗ trợ phát triển Khoa học kỹ thuật	29 100 000		
34	TT Nghiên cứu Môi trường Địa chất	12 500 000		
35	TT KHCN mỏ và Môi trường	6 700 000		
36	TT Nghiên cứu Trắc địa công trình	4 600 000		
37	TT Triển khai công nghệ khoáng chất	3 700 000		
38	TT UĐCNM Trắc địa – Bản đồ	2 400 000		
39	TT Nghiên cứu Cơ điện mỏ	300 000		
40	T. thể CB luyện môn Vật lý thi Olympic Q. gia	1 300 000		

41	T.thẻ CB luyện môn Hóa thi Olympic Q. gia	1 000 000		
42	T.thẻ CB luyện môn Toán thi Olympic Q. gia	700 000		
	Cộng I	166 900 000		
Bằng chữ: Một trăm sáu mươi sáu triệu chín trăm ngàn đồng chẵn				

Hiệu trưởng

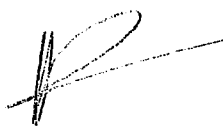


Phòng Tài vụ



Phạm Thị Thu Thủy

Phòng KHQT

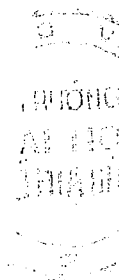


Hoàng Văn Long

Người lập biểu



Nguyễn Thị Ngọc Dung


 PHÒNG
 KIỂM TRA
 VÀ
 QUẢN LÝ

DANH SÁCH THƯỜNG CÁC TẬP THỂ, CÁ NHÂN NĂM 2016

(kèm theo QĐ số 343/QĐ-MDC, ngày 24/3/2017)

II. Cá nhân

TT	Họ và tên	Đơn vị	Số tiền (đ)	Ký nhận	Ghi chú
1	Nguyễn Văn Lâm	BM. Địa chất thủy văn	5 000 000		
2	Phan Quang Văn	BM. KTMT mỏ	4 000 000		
3	Nguyễn Khắc Giảng	BM. Khoáng thạch	3 000 000		
4	Lê Hải An	BM. Địa vật lý	2 000 000		
5	Nguyễn Anh Dũng	BM. Lọc - Hóa dầu	2 000 000		
6	Lê Khánh Phồn	BM. Địa vật lý	2 000 000		
7	Lê Văn Hưng	BM. CN phần mềm	2 000 000		
8	Trương Xuân Luận	BM. Tin Địa chất	1 400 000		
9	Đỗ Ngọc Anh	BM.XDCTN và mỏ	1 000 000		
10	Phạm Xuân Núi	BM.Lọc - Hóa dầu	1 000 000		
11	Nguyễn Thế Vinh	BM. Khoan - Khai thác	1 000 000		
12	Nguyễn Trọng Dũng	BM. Hạ Tầng Cơ sở	1 000 000		
13	Vũ Thị Minh Hồng	BM. Hóa học	1 000 000		
14	Phạm Văn Luận	BM. Tuyển khoáng	900 000		
15	Hoàng Văn Long	BM. Địa chất Biển	800 000		
16	Nguyễn Văn Sáng	BM. Trắc địa cao cấp	800 000		
17	Dương Thành Trung	BM.TĐPT và Sai số	800 000		
18	Nguyễn Văn Quảng	Khoa GDQP	600 000		
19	Đinh Văn Thắng	Khoa Cơ điện	500 000		
20	Nguyễn Quang Minh	BM. TĐPT và Sai số	500 000		
21	Nguyễn Phương	BM. Môi trường cơ sở	400 000		
22	Ngô Xuân Thành	BM. Địa chất	400 000		
23	Nguyễn Thị Linh	BM. Lọc - Hóa dầu	200 000		
24	Tổng Thị Thanh Hương	BM. Lọc - Hóa dầu	200 000		
25	Lê Thị Thu	BM. Khoáng sản	200 000		
26	Nhữ Thị Kim Dung	BM. Tuyển khoáng	200 000		
27	Nguyễn Hoàng Sơn	BM. Tuyển khoáng	200 000		
28	Dặng Trung Thành	BM. XDCTN và Mỏ	200 000		
29	Dặng Văn Kiên	BM. XDCTN và Mỏ	200 000		
30	Vũ Văn Trí	BM. TD cao cấp	200 000		
	Cộng II		33 700 000		

Bảng chữ: Ba mươi ba triệu bảy trăm ngàn đồng chẵn

Hiệu trưởng

Phòng Tài vụ

Phòng KHQT

Người lập biểu

Phạm Thị Thu Thủy

Hoàng Văn Long

Nguyễn Thị Ngọc Dung

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 300 /QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày 22 tháng 3 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thưởng các đơn vị, cá nhân
có thành tích trong hoạt động KHCN năm 2017

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 12/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành "Điều lệ trường đại học";

Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 856/QĐ-MĐC ngày 03/7/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất Quy định về quản lý hoạt động KHCN của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ Quyết định số 43/QĐ.MĐC ngày 10/01/2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ Quyết định số 386/QĐ-MĐC ngày 31/3/2017 về việc giao nghĩa vụ đóng góp kinh phí cho Trường của các Trung tâm, Công ty năm 2017, quy định mức khen thưởng cho các đơn vị có đóng góp kinh phí cho Trường;

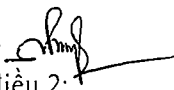
Căn cứ quyết toán của các đề tài, hợp đồng KHCN năm 2017;

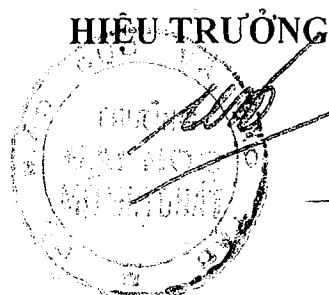
Xét đề nghị của các ông (bà) Trưởng phòng KHQT, Trưởng phòng Tài vụ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Trích 198.450.000 đ (một trăm chín mươi tám triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) từ quỹ khen thưởng KHCN hàng năm của Nhà trường thưởng cho các đơn vị và cá nhân đã có nhiều thành tích trong hoạt động KHCN (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Các ông (bà) Trưởng phòng KHQT, Trưởng phòng Tài vụ, các đơn vị và cá nhân có tên danh sách trên chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./

Nơi nhận: 
- Như điều 2;
- Lưu: HCTH, TV, KHQT₍₀₃₎.



PGSTS Lê Hải An

DANH SÁCH THƯỜNG CÁC TẬP THỂ, CÁ NHÂN NĂM 2017

(kèm theo QĐ số 300 /QĐ-MĐC, ngày 22 /3/2018)

II. Cá nhân

TT	Họ và tên	Đơn vị	Số tiền (đ)	Ký nhận	Ghi chú
1	Nguyễn Văn Lâm	BM. Địa chất thủy văn	5 700 000		
2	Hoàng Văn Long	BM. Địa chất biển	5 300 000		
3	Phạm Công Khải	BM. Trắc địa mỏ	3 700 000		
4	Phạm Xuân Núi	BM. Lọc hóa dầu	2 400 000		
5	Phan Quang Văn	BM. Kỹ thuật môi trường	1 900 000		
6	Bùi Thị Lệ Thủy	BM. Lọc hóa dầu	1 000 000		
7	Đỗ Ngọc Anh	BM. Xây dựng CTN& Mỏ	900 000		
8	Vũ Kim Thư	BM. Hóa học	800 000		
9	Nguyễn Văn Thịnh	BM. Thiết bị dầu khí	700 000		
10	Nguyễn Duy Lạc	BM. Kinh tế doanh nghiệp	700 000		
11	Lê Thị Thu	BM. Khoáng sản	600 000		
12	Ngô Xuân Thành	BM. Địa chất	600 000		
13	Nguyễn Quốc Hưng	BM. Địa chất	600 000		
14	Bùi Hoàng Bắc	BM. Tìm kiếm thăm dò	600 000		
15	Nhữ Thị Kim Dung	BM. Tuyển khoáng	600 000		
16	Nguyễn Hoàng Sơn	BM. Tuyển khoáng	600 000		
17	Nguyễn Văn Thịnh	BM. Khai thác hầm lò	600 000		
18	Đặng Trung Thành	BM. XDCTN và Mỏ	600 000		
19	Đặng Văn Kiên	BM. XDCTN và Mỏ	600 000		
20	Đào Việt Đoàn	BM. XDCTN và Mỏ	600 000		
21	Vũ Văn Trí	BM. TĐ cao cấp	600 000		
22	Lê Ngọc Ánh	BM. Địa chất dầu khí	600 000		
23	Lê Thị Duyên	BM. Hóa học	600 000		
24	Đỗ Văn Bình	BM. Địa sinh thái & CNMT	600 000		
25	Nguyễn Văn Quảng	Khoa GDQP	600 000		
26	Dương Thành Trung	BM. TĐPT & Sai số	300 000		
27	Nguyễn Trọng Dũng	BM. Hạ tầng Cơ sở	300 000		
28	Nguyễn Tuấn Anh	BM. Tin học trắc địa	300 000		
	Cộng II		33 000 000		

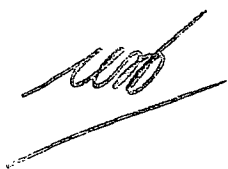
Bằng chữ: Ba mươi ba triệu đồng chẵn

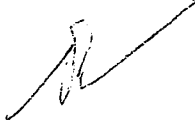
Hiệu trưởng

Phòng Tài vụ

Phòng KHQT

Người lập biểu






Phạm Thị Thu Thủy

Nguyễn Quang Minh

Hoàng Thu Hằng

36	TT Hỗ trợ phát triển Khoa học kỹ thuật	24 800 000		
37	TT Nghiên cứu Môi trường Địa chất	8 200 000		
38	TT KHCN mỏ và Môi trường	9 300 000		
39	TT Nghiên cứu Trắc địa công trình	4 900 000		
40	TT Triển khai công nghệ khoáng chất	5 600 000		
41	TT UĐCNM Trắc địa – Bản đồ	7 700 000		
42	TT Nghiên cứu Cơ điện mỏ	3 000 000		
	Cộng	165 450 000		

Bằng chữ: Một trăm sáu mươi năm triệu bốn trăm lăm mươi nghìn đồng

Hiệu trưởng



Phòng Tài vụ



Phạm Thị Thu Thủy

Phòng KHQT



Nguyễn Quang Minh

Người lập biểu



Hoàng Thu Hằng



DANH SÁCH THUỞNG CÁC TẬP THỂ, CÁ NHÂN NĂM 2017

(kèm theo QĐ số 300 /QĐ-MĐC, ngày 22/3/2018)

I. Tập thể

TT	Đơn vị	Số tiền (đ)	Ký nhận	Ghi chú
1	Khoa Khoa học và Kỹ thuật Địa chất	6 700 000		
2	Khoa Trắc địa, Bản đồ và QLĐĐ	2 300 000		
3	Khoa Xây dựng	1 500 000		
4	Khoa Môi trường	1 200 000		
5	Khoa Mỏ	900 000		
6	Khoa Khoa học cơ bản	700 000		
7	Khoa Giáo dục Quốc phòng	300 000		
8	Khoa Kinh tế & QTKD	300 000		
9	Khoa Công nghệ thông tin	100 000		
10	Phòng Khoa học, công nghệ và HTQT	3 000 000		
11	Phòng Tài vụ	2 000 000		
12	Phòng Tổ chức cán bộ	2 000 000		
13	Phòng Hành chính tổng hợp	2 000 000		
14	BM. Địa chất thủy văn	2 800 000		
15	BM. Địa chất biển	2 600 000		
16	BM. Trắc địa mỏ	1 800 000		
17	BM. Xây dựng CTN& Mỏ	1 400 000		
18	BM. Kỹ thuật môi trường	900 000		
19	BM. Hóa học	700 000		
20	BM. Địa chất	600 000		
21	BM. Tuyển khoáng	600 000		
22	BM. Khoáng sản	300 000		
23	BM. Tìm kiếm thăm dò	300 000		
24	BM. Thiết bị dầu khí	300 000		
25	BM. Kinh tế doanh nghiệp	300 000		
26	BM. TĐ cao cấp	300 000		
27	BM. Khai thác hầm lò	300 000		
28	BM. Địa chất dầu khí	300 000		
29	BM. Địa sinh thái & CNMT	300 000		
30	BM. Đường lối quân sự	300 000		
31	BM. TĐPT & Sai số	150 000		
32	BM. Hạ Tầng Cơ sở	100 000		
33	BM. Tin học trắc địa	100 000		
34	Công ty CODECO	20 500 000		
35	TT Nghiên cứu Địa kỹ thuật	44 000 000		

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **261** /QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thưởng các đơn vị, cá nhân
có thành tích trong hoạt động KHCN năm 2018

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 12/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành "Điều lệ trường đại học";

Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 856/QĐ-MĐC ngày 03/7/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất Quy định về quản lý hoạt động KHCN của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ Quyết định số 909/QĐ-MĐC ngày 01/8/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc quy định thu và chi quản lý chung cho hoạt động Khoa học - Công nghệ của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ Quyết định số 307/QĐ-MĐC ngày 27/3/2018 về việc giao nghĩa vụ đóng góp kinh phí cho Trường của các Trung tâm, Công ty năm 2018, quy định mức khen thưởng cho các đơn vị có đóng góp kinh phí cho Trường;

Căn cứ quyết toán của các đề tài, hợp đồng KHCN năm 2018;

Xét đề nghị của các ông (bà) Trưởng phòng KHQT, Trưởng phòng Tài vụ,

QUYẾT ĐỊNH:

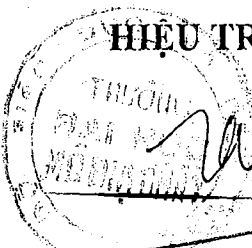
Điều 1. Trích 187.844.000 đ (một trăm tám mươi bảy triệu tám trăm bốn mươi bốn nghìn đồng) từ quỹ khen thưởng KHCN hàng năm của Nhà trường thưởng cho các đơn vị và cá nhân đã có nhiều thành tích trong hoạt động KHCN (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Các ông (bà) Trưởng phòng KHQT, Trưởng phòng Tài vụ, các đơn vị và cá nhân có tên danh sách trên chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận: 

- Như điều 2;
- Lưu: HCTH, TV, KHQT₍₀₃₎.

HIỆU TRƯỞNG



DANH SÁCH THƯỜNG CÁC TẬP THỂ, CÁ NHÂN NĂM 2018

(kèm theo QĐ số 261/QĐ-MĐC, ngày 26/3/2019)

I. Tập thể

TT	Đơn vị	Số tiền (đ)	Ký nhận	Ghi chú
1	Khoa Công nghệ thông tin	1 315 000		
2	Bộ môn Tin học trắc địa	1 315 000		
3	Bộ môn Địa vật lý	1 868 000		
4	Bộ môn thiết bị dầu khí công trình	250 000		
5	Khoa Khoa học cơ bản	1 060 000		
6	Bộ môn Vật lý	938 000		
7	Bộ môn Hóa học	123 000		
8	Khoa Khoa học và Kỹ thuật Địa chất	2 813 000		
9	Bộ môn Địa chất	2 290 000		
10	Bộ môn Tìm kiếm thăm dò	224 000		
11	Bộ môn Địa chất thủy văn	166 000		
12	Bộ môn Địa chất công trình	134 000		
13	Khoa Mỏ	655 000		
14	Bộ môn Khai thác hầm lò	655 000		
15	Khoa Môi trường	1 075 000		
16	Bộ môn kỹ thuật môi trường	1 075 000		
17	Khoa Trắc địa, Bản đồ và QLDD	314 000		
18	Bộ môn Trắc địa mỏ	314 000		
19	Khoa Xây dựng	579 000		
20	Bộ môn Xây dựng công trình ngầm và Mỏ	579 000		
21	Khoa Giáo dục Quốc phòng	100 000		
22	Phòng Khoa học, công nghệ và HTQT	2 000 000		
23	Phòng Tài vụ	1 000 000		
24	Phòng Tổ chức cán bộ	1 000 000		
25	Phòng Hành chính tổng hợp	1 000 000		
26	Công ty CODECO	19 808 000		
27	TT Nghiên cứu Địa kỹ thuật	52 608 000		
28	TT Hỗ trợ phát triển Khoa học kỹ thuật	33 876 000		
29	TT Nghiên cứu Môi trường Địa chất	8 150 000		
30	TT Nghiên cứu Trắc địa công trình	5 084 000		
31	TT Triển khai công nghệ khoáng chất	8 604 000		
32	TT UDCNM Trắc địa – Bản đồ	8 500 000		
33	TT Nghiên cứu Cơ điện mỏ	5 970 000		
	Cộng	165 442 000		

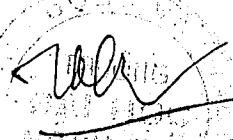
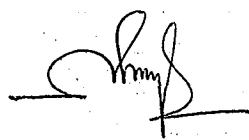
Bằng chữ: Một trăm sáu mươi năm triệu bốn trăm bốn mươi hai nghìn đồng

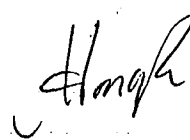
Hiệu trưởng

Phòng Tài vụ

Phòng KHQT

Người lập biểu



Phạm Thị Thu Thủy

Nguyễn Quang Minh

Hoàng Thu Hằng

DANH SÁCH THƯỜNG CÁC TẬP THỂ, CÁ NHÂN NĂM 2018

(kèm theo QĐ số 161/QĐ-MĐC, ngày 26/3/2019)

II. Cá nhân

TT	Họ và tên	Đơn vị	Số tiền (đ)	Ký nhận	Ghi chú
I	Khoa Công nghệ thông tin				
1	Nguyễn Trường Xuân	BM. Tin học trắc địa	1 803 000		
2	Ngô Thị Phương Thảo	BM. Tin học trắc địa	828 000		
II	Khoa Dầu khí				
1	Lê Hải An	BM. Địa vật lý	3 735 000		
2	Phạm Xuân Núi	BM. Lọc hóa dầu	1 653 000		
3	Vũ Văn Toàn	BM. Lọc hóa dầu	981 000		
4	Nguyễn Văn Thịnh	BM. Thiết bị dầu khí	500 000		
III	Khoa Khoa học Cơ bản				
1	Lê Đắc Tuyên	BM. Vật lý	875 000		
2	Trần Thị Hà	BM. Vật lý	500 000		
3	Đào Việt Thắng	BM. Vật lý	500 000		
4	Lê Thị Duyên	BM. Hóa học	245 000		
IV	Khoa Khoa học và Kỹ thuật địa chất				
1	Ngô Xuân Thành	BM. Địa chất	3 564 000		
2	Nguyễn Hữu Hiệp	BM. Địa chất	828 000		
3	Bùi Hoàng Bắc	BM. Tìm kiếm thăm dò	446 000		
4	Nguyễn Bách Thảo	BM. Địa chất thủy văn	333 000		
5	Bùi Trường Sơn	BM. Địa chất công trình	267 000		
V	Khoa Mỏ				
1	Nguyễn Văn Thịnh	BM. Khai thác hầm lò	1 310 000		
VI	Khoa Môi trường				
3	Phan Quang Văn	BM. Kỹ thuật môi trường	2 149 000		
VII	Khoa Trắc địa, Bản đồ và Quản lý đất đai				
1	Nguyễn Viết Nghĩa	BM. Trắc địa mỏ	485 000		
2	Phạm Công Khải	BM. Trắc địa mỏ	142 000		
VIII	Khoa Xây dựng				
1	Đỗ Ngọc Anh	BM. Xây dựng CTN&Mỏ	100 000		
2	Đào Việt Đoàn	BM. Xây dựng CTN&Mỏ	245 000		
3	Trần Tuấn Minh	BM. Xây dựng CTN&Mỏ	813 000		
IX	Khoa Giáo dục quốc phòng				
1	Nguyễn Văn Quảng	BM. Đường lối quân sự	100 000		
	Cộng		22 402 000		

Bằng chữ: Hai mươi hai triệu bốn trăm linh hai nghìn đồng

Hiệu trưởng

Phòng Tài vụ

Phòng KHQT

Người lập biểu

Phạm Thị Thu Thủy

Nguyễn Quang Minh

Hoàng Thu Hằng